

Bản án số: 321/2022/DS-PT

Ngày: 17/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng

Các thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Lê Thị Hồng Hạnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2022/TLPT-DS ngày 24/5/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân quận HBT3, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2022/QĐ-PT ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận HBT3, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Nhị, Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Bà Hoàng Thị Thanh Tâm, bà Nguyễn Thị Ngọc, ông Bùi Công Thành – Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà văn phòng Techcombank, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. *(Có mặt bà Ngọc, ông Thành)*

Bị đơn: Ông TQT1, sinh năm 1978. *(Có mặt)*

HKTT: 3 nhà Z2 phường BK2, quận HBT3, Hà Nội.

Địa chỉ: Căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, quận TX6, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà VTTT7, sinh năm 1995. *(Vắng mặt)*

2. Cháu TPL8, sinh ngày 29/12/2018

3. Cháu TPL9, sinh ngày 25/6/2020

4. Cháu TQM10, sinh năm 2022

Người đại diện hợp pháp của cháu Linh, cháu Ly, cháu Minh là ông TQT1.

Do có kháng cáo của ông TQT1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) do người đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 11/8/2015, Techcombank và ông TQT1 đã ký Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 (gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng số 2859”), theo đó Techcombank đã đồng ý cho ông Trung vay số tiền là 3.418.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua nhà dự án Royal City căn số R50412B. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay theo từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ lập tại mỗi lần rút vốn vay. Tại Khế ước nhận nợ ngày 24/8/2015 Techcombank đã giải ngân toàn bộ số tiền vay trên cho ông Trung. Lãi suất vay thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 24/8/2015 cho đến ngày 24/8/2016 là 6,99%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng và bằng Lãi suất cơ sở Bất động sản Vingroup trung hạn (+) biên độ 4,3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Techcombank quy định theo từng thời kỳ, tương ứng với từng đối tượng khách hàng. Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/8/2020.

Ngày 25/01/2016, Techcombank phát hành cho ông TQT1 thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority ký ngày 25/01/2016 (gọi tắt là “Hợp đồng thẻ tín dụng”). Lãi suất trong hạn áp dụng cố định trong suốt quá trình sử dụng thẻ theo thỏa thuận là 22,8%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày 31/01/2019, Techcombank và ông TQT1 tiếp tục ký Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 (gọi tắt là “Hợp đồng hạn mức thấu chi”) với giá trị hạn mức thấu chi là 500.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng. Thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi: từ ngày 31/01/2019 đến 31/01/2020. Lãi suất thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 31/01/2019 đến ngày 28/02/2019 là 15,99%/năm và lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/một lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở vay ứng trước tài khoản cá nhân có tài sản bảo đảm (F1) ngắn hạn (+) biên độ 9,99%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Techcombank quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên của ông TQT1 tại Techcombank là: Căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, quận TX6, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 124,4m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 402225; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS15909 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/5/2017 cho ông TQT1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 00368.2018/HĐTC, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 17/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội giữa ông TQT1 và Techcombank.

Quá trình thực hiện, ông Trung không thực hiện trả nợ như cam kết dẫn đến nợ quá hạn. Techcombank đã nhiều lần thông báo nhắc nhở ông Trung thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Techcombank khởi kiện yêu cầu ông Trung phải thanh toán cho Techcombank các khoản dư nợ theo các khoản tín dụng cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 2859 ngày 11/8/2015 và Khế ước nhận nợ số 285901 ngày 24/8/2015 tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2021 là: 1.369.192.260 đồng (trong đó nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 106.707.613 đồng, lãi quá hạn: 231.462.063 đồng, lãi phạt: 31.022.584 đồng) và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Theo Hợp đồng thế tín dụng ngày 25/01/2016: Tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2021 là 285.930.905 đồng bao gồm gốc, lãi, phí và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 201960417286 ngày 31/01/2019: Tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2021 là: 753.206.279 đồng (gồm nợ gốc: 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 86.393.745 đồng, lãi quá hạn: 166.812.534 đồng) và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Buộc ông TQT1 thanh toán cho Techcombank tiền phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là: 80.000.000 đồng (tương ứng với 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, tức là $8\% \times 1.000.000.000 \text{ đồng} = 80.000.000 \text{ đồng}$).

Trường hợp ông TQT1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và toàn bộ lãi phát sinh thì Techcombank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TD5, quận TX6, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 124,4m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 402225; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS15909 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/5/2017 cho ông TQT1 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trung vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Techcombank.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu đối với phần lãi phạt của Hợp đồng tín dụng số 2859 ngày 11/8/2015 tạm

tính đến ngày 14/01/2022 là 44.750.896 đồng và phần lãi phạt phát sinh kể từ ngày 15/01/2022 cho đến khi khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, rút toàn bộ tiền lãi phạt của khoản thẻ tín dụng tính đến ngày 14/01/2022 với số tiền là 45.369.899 đồng và phần lãi phạt phát sinh kể từ ngày 15/01/2022 cho đến khi khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, rút phần phí phạt chậm trả là 45.581.850 đồng, rút toàn bộ tiền phạt vi phạm hợp đồng là 80.000.000 đồng. Nguyên đơn đề nghị ông Trung thanh toán tổng số tiền của tất cả các khoản tín dụng là: 2.547.724.308 đồng (Trong đó nợ gốc: 1.624.885.949 đồng, nợ lãi trong hạn: 248.487.357 đồng, nợ lãi quá hạn: 674.351.002 đồng). Cụ thể:

- Theo Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số HGA2015285901 ngày 24/8/2015 nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 106.707.613 đồng, lãi quá hạn: 360.234.940 đồng. Tổng cộng: 1.466.942.553 đồng;

- Theo Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 ngày 31/01/2019 nợ gốc: 500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 86.393.745 đồng, lãi quá hạn: 257.998.562 đồng. Tổng cộng: 844.392.307 đồng;

- Theo Hợp đồng thẻ tín dụng quốc ngày 25/01/2016, nợ gốc: 124.885.949 đồng, lãi trong hạn: 55.385.999 đồng, lãi quá hạn: 56.117.500 đồng. Tổng cộng: 236.389.448 đồng.

Kể từ ngày 15/01/2022, ông TQT1 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ phần nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký với Techcombank cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông Trung không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và toàn bộ lãi phát sinh thì Techcombank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, quận TX6, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp ngày 17/01/2018 để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trung đối với Techcombank. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trung vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Techcombank.

Bị đơn ông TQT1 trình bày: Ông Trung xác nhận toàn bộ nội dung các hợp đồng tín dụng đã ký với Techcombank như nguyên đơn đã trình bày ở trên. Ông Trung xác nhận để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng ngày 11/8/2015 theo khế ước nhận nợ ngày 25/8/2015 ông đã ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 00368.2018/HĐTC ngày 17/01/2018 thế chấp căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, quận TX6, thành phố Hà Nội. Căn hộ này là tài sản của cá nhân ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông. Quá trình thực hiện các

hợp đồng tín dụng ông luôn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình, tuy nhiên sau đó do khó khăn về tài chính nên ông không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết dẫn đến nợ quá hạn. Ông xác nhận tạm tính đến ngày 26/6/2020 ông đã trả được cho Techcombank khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2859 với tổng số tiền là 2.975.769.357 đồng (bao gồm nợ gốc: 2.418.000.000 đồng, nợ lãi: 557.769.357 đồng) và khoản vay theo Hợp đồng thẻ tín dụng là 563.907.089 đồng. Ông xác nhận tạm tính đến ngày 07/5/2021 ông còn nợ Techcombank các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2859, Hợp đồng hạn mức thấu chi và Hợp đồng thẻ tín dụng mà đại diện Techcombank đã trình bày ở trên. Hiện do tình hình dịch bệnh, nguồn tài chính của ông đang gặp nhiều khó khăn nên ông không thể thanh toán được các khoản dư nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nếu Ngân hàng đồng ý chỉ thu gốc và miễn toàn bộ lãi cho ông thì ông sẽ trả cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất có thể. Ông đề nghị Techcombank tạo điều kiện để hai bên tự hòa giải và đưa ra một phương án giải quyết phù hợp. Trường hợp hai bên không đưa ra được một phương án thống nhất thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết trên cơ sở các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ chấp tài sản bảo đảm mà ông đã ký với Techcombank. Trường hợp Techcombank yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thẻ chấp để thu hồi nợ thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho ông và những người đang sinh sống tại tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị VTTT7 trình bày: Chị về chung sống như vợ chồng với ông TQT1 vào năm 2019 (không đăng ký kết hôn) sau thời điểm ông Trung ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ chấp với Techcombank nên chị không biết và không liên quan đến việc vay nợ này. Căn hộ số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, TX6, Hà Nội là tài sản riêng của ông Trung có từ trước thời điểm chị về chung sống với ông Trung, chị không có công sức, tiền của đóng góp gì đối với căn hộ này nên không có yêu cầu đề nghị gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do bận con nhỏ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt chị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân quận HBT3 đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam đối với ông TQT1.

2. Buộc ông TQT1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 14/01/2022 theo Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số 285901 ngày 24/8/2015, Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 và theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority ngày 25/01/2016 với tổng số tiền là 2.547.724.308 đồng (*Hai tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn ba trăm linh tám đồng*), cụ thể như sau:

2.1. Theo Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số HGA2015285901 ngày 24/8/2015: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 106.707.613 đồng, Nợ lãi quá hạn: 360.234.940 đồng. Tổng cộng: 1.466.942.553 đồng. *(Một tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng)*

2.2. Theo Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 ngày 31/01/2019: Nợ gốc: 500.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 86.393.745 đồng, Nợ lãi quá hạn: 257.998.562 đồng. Tổng cộng: 844.392.307 đồng. *(Tám trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm chín mươi hai nghìn ba trăm linh bảy đồng)*

2.3. Theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority ngày 25/01/2016: Nợ gốc: 124.885.949 đồng, Nợ lãi trong hạn: 55.385.999 đồng, Nợ lãi quá hạn: 56.117.500 đồng. Tổng cộng: 236.389.448 đồng. *(Hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng)*

3. Kể từ ngày 15/01/2022, ông TQT1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trung phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trong trường hợp ông TQT1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số HGA2015285901 ngày 24/8/2015 và theo Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 ngày 31/01/2019 được nêu tại phần 2.1, phần 2.2 quyết định này thì Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ Căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, quận TX6, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 124,4m². (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 402225, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS15909 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/5/2017 cho ông TQT1. Hợp đồng thế chấp số công chứng 00368.2018/HĐTC, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 17/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội giữa ông TQT1 và Techcombank) để thu hồi nợ. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại căn hộ nhà đất trên có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông TQT1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

5. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng, phí, lãi phạt và lãi phạt phát sinh cho đến khi khách hàng thanh toán xong khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đối với ông TQT1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông TQT1 là bị đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án và không giao nộp tài liệu chứng cứ khác. Ông Trung trình bày tháng 3/2022 ông và bà Trang sinh cháu TQM10, hiện cháu ở cùng với ông, bà tại căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, quận TX6, Hà Nội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

1. Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân quận HBT3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Về hình thức: Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông TQT1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 11/8/2015, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) và ông TQT1 đã ký Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 (gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng số 2859”), theo đó Techcombank đã đồng ý cho ông Trung vay số tiền là 3.418.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua nhà dự án Royal City căn số R50412B. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay theo từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ lập tại mỗi lần rút vốn vay. Tại Khế ước nhận nợ ngày 24/8/2015 Techcombank đã giải ngân toàn bộ số tiền vay trên cho ông Trung. Lãi suất vay thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 24/8/2015 cho đến ngày 24/8/2016 là 6,99%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng và bằng Lãi suất cơ sở Bất động sản Vingroup trung hạn (+) biên độ 4,3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Techcombank quy định theo

từng thời kỳ, tương ứng với từng đối tượng khách hàng. Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/8/2020.

Ngày 25/01/2016, Techcombank phát hành cho ông TQT1 thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority ký ngày 25/01/2016 (gọi tắt là “Hợp đồng thẻ tín dụng”). Lãi suất trong hạn áp dụng cố định trong suốt quá trình sử dụng thẻ theo thỏa thuận là 22.8%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày 31/01/2019, Techcombank và ông TQT1 tiếp tục ký Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 (gọi tắt là “Hợp đồng hạn mức thấu chi”) với giá trị hạn mức thấu chi là 500.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng. Thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi từ ngày 31/01/2019 đến 31/01/2020. Lãi suất thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 31/01/2019 đến ngày 28/02/2019 là 15,99%/năm và lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/một lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở vay ứng trước tài khoản cá nhân có tài sản bảo đảm (F1) ngắn hạn (+) biên độ 9,99%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Techcombank quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Xét thấy, các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng hạn mức thấu chi, hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế nêu trên được ký kết giữa các chủ thể theo đúng quy định của pháp luật, nội dung và hình thức phù hợp với pháp luật. Các bên tự nguyện giao kết và thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giao kết hợp đồng của mình. Tại thời điểm ký kết, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên các hợp đồng nêu trên là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện. Do ông TQT1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam khởi kiện yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng đã ký là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015 và Khế ước nhận nợ số 285901 ngày 24/8/2015, dư nợ tạm tính đến ngày 14/01/2022 của ông TQT1 là 1.466.942.553 đồng (trong đó nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 106.707.613 đồng, lãi quá hạn: 360.234.940 đồng, lãi phạt: 44.750.896 đồng).

- Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 25/01/2016: Dư nợ tạm tính đến ngày 14/01/2022 của ông TQT1 là 327.341.197 đồng (trong đó nợ gốc: 124.885.949 đồng, lãi trong hạn: 55.385.999 đồng, lãi quá hạn: 56.117.500 đồng, lãi phạt: 45.369.899 đồng, phí phạt chậm trả: 45.581.850 đồng).

- Đối với Hợp đồng hạn mức thấu chi số 201960417286 ngày 31/01/2019: Tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/01/2022 là: 844.392.307 đồng (gồm nợ gốc:

500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 86.393.745 đồng, lãi quá hạn: 257.998.562 đồng).

- Số tiền phạt vi phạm hợp đồng là: 80.000.000 đồng (tương ứng với 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, tức là $8\% \times 1.000.000.000 \text{ đồng} = 80.000.000 \text{ đồng}$).

Xét thấy, số tiền nợ gốc được các bên đương sự xác nhận đúng, phù hợp với quy định của pháp luật nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Căn cứ vào các Quyết định về việc ban hành lãi suất đối với các khoản vay bán lẻ, Biểu lãi suất cơ sở Vingroup áp dụng cho các khoản vay mua bất động sản và các Quyết định điều chỉnh lãi suất, bảng kê tính lãi mà nguyên đơn xuất trình thể hiện nguyên đơn đã áp dụng việc điều chỉnh lãi suất cho vay đúng như thỏa thuận trong hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền gốc và lãi trong hạn tại các hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu đối với phần lãi phạt của Hợp đồng tín dụng số 2859 ngày 11/8/2015 tạm tính đến ngày 14/01/2022 là 44.750.896 đồng và phần lãi phạt phát sinh kể từ ngày 15/01/2022 cho đến khi khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, rút toàn bộ tiền lãi phạt của khoản thẻ tín dụng tính đến ngày 14/01/2022 với số tiền là 45.369.899 đồng và phần lãi phạt phát sinh kể từ ngày 15/01/2022 cho đến khi khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, rút phần phí phạt chậm trả là 45.581.850 đồng, rút toàn bộ tiền phạt vi phạm hợp đồng là 80.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa các bên để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự:

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của mình tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam, cụ thể là Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số 285901 ngày 24/8/2015 và Hợp đồng hạn mức thấu chi số 201960417286 ngày 31/01/2019, ông TQT1 đã thế chấp tài sản của mình cho Ngân hàng. Tài sản là: Căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, quận TX6, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 124,4m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 402225; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS15909 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/5/2017 cho ông TQT1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 00368.2018/HĐTC, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 17/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội giữa ông TQT1 và Techcombank.

Căn cứ Điều 342, 344, 351, 355 Bộ luật dân sự 2005 trường hợp ông Trung không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Techcombank có quyền yêu cầu cơ

quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số 285901 ngày 24/8/2015 và Hợp đồng hạn mức thấu chi số 201960417286 ngày 31/01/2019 là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/01/2016, do tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/01/2016, các bên đã thỏa thuận rõ đây là khoản tín dụng không có tài sản đảm bảo nên không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 25/01/2016 của Techcombank.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 293, Điều 295, Điều 296, Điều 297, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL ngày 7/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân quận HBT3, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam đối với ông TQT1.

2. Buộc ông TQT1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 14/01/2022 theo Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số 285901 ngày 24/8/2015, Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 và theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority ngày 25/01/2016 với tổng số tiền là **2.547.724.308 đồng** (*Hai tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn ba trăm linh tám đồng*), cụ thể như sau:

2.1. Theo Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số HGA2015285901 ngày 24/8/2015: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 106.707.613 đồng, nợ lãi quá hạn: 360.234.940 đồng. Tổng cộng: 1.466.942.553 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng*).

2.2. Theo Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 ngày 31/01/2019: Nợ gốc: 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 86.393.745 đồng, nợ lãi quá hạn: 257.998.562 đồng. Tổng cộng:

844.392.307 đồng (*Tám trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm chín mươi hai nghìn ba trăm linh bảy đồng*).

2.3. Theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority ngày 25/01/2016: Nợ gốc: 124.885.949 đồng, nợ lãi trong hạn: 55.385.999 đồng, nợ lãi quá hạn: 56.117.500 đồng. Tổng cộng: 236.389.448 đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng*).

3. Kể từ ngày 15/01/2022, ông TQT1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trung phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trong trường hợp ông TQT1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HGA20152859 ngày 11/8/2015, Khế ước nhận nợ số HGA2015285901 ngày 24/8/2015 và theo Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số HGA201960417286/HDHMTCF1 ngày 31/01/2019 được nêu tại phần 2.1, phần 2.2 quyết định này thì Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ Căn hộ chung cư số 412B, nhà R5, số 72A NT4, phường TĐ5, quận TX6, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 124,4m². (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 402225, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS15909 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/5/2017 cho ông TQT1. Hợp đồng thế chấp số công chứng 00368.2018/HĐTC, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 17/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội giữa ông TQT1 và Techcombank) để thu hồi nợ. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại căn hộ nhà đất trên có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông TQT1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

5. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng, phí, lãi phạt và lãi phạt phát sinh cho đến khi khách hàng thanh toán xong khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đối với ông TQT1.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông TQT1 phải chịu 82.954.466 đồng (Tám mươi hai triệu chín trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số 36.290.000 (Ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo

Biên lai số AA/2020/0012214 ngày 25/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HBT3, thành phố Hà Nội.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông TQT1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền ông Trung đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0011715 ngày 15/2/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HBT3, thành phố Hà Nội.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận HBT3;
- Chi cục THADS quận HBT3;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tiến Dũng